

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Trí Thiện.

Ông Đặng Anh Doan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhựt Giang là Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim S, sinh ngày 28-02-1999. Cư trú ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh P, sinh ngày 02-3-1996. Cư trú tổ 06, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 12-11-2020 và bản tự khai, chị Trần Thị Kim S trình bày:

Chị S và Anh P kết hôn vào ngày 25-10-2019 được Ủy ban nhân dân xã B cấp chứng nhận kết hôn. Tháng 3 năm 2020, Anh P lo ăn chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, cầm cố tài sản gia đình, phá tán tài sản của vợ chồng. Anh P tự ý rời bỏ Chị S về nhà cha mẹ của Anh P sinh sống vào thời điểm Chị S mới vừa sinh con. Hàng tháng, Anh P có qua thăm con và có ý định chung sống với Chị S nhưng Chị S thấy Anh P tính tình không chịu từ bỏ cờ bạc. Chị S sợ khổ, bị liên lụy nợ nần do Anh P

gây ra nên Chị S quyết định không sống chung với Anh P. Chị S chính thức ly thân với Anh P từ năm 2020 đến nay. Mặc dù, Anh P có ý định hàn gắn nhưng Chị S không chịu. Chị S yêu cầu ly hôn với Anh P.

Về quan hệ con chung: Khi ly hôn, Chị S yêu cầu nuôi con Nguyễn Minh Giàu, sinh ngày 16-3-2020, hiện con đang sống cùng với Chị S và không yêu cầu Anh P cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203, khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Chị S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Anh P đã không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa Chị S và Anh P có đăng ký kết hôn theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nên hôn nhân có giá trị pháp lý. Chị S và Anh P không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho nhau, không còn sống chung với nhau từ tháng 3 năm 2020 đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho Chị S và Anh P nhưng không thành. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị S.

Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị giao trẻ Nguyễn Minh Giàu cho Chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Chị S phải chịu án phí theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Bản sao trích lục kết hôn số 928/TLKH-BS ngày 11-11-2020 của Ủy ban nhân dân xã B cấp cho Chị S và Anh P; Bản sao giấy khai sinh số 970/GKS-BS ngày 11-11-2020 của Ủy ban nhân dân xã B cấp cho trẻ Nguyễn Minh Giàu; Biên bản xác minh ngày 24-3-2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị S có đơn khởi kiện đối với Anh P về yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con. Anh P có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị S và Anh P xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 25-10-2019 nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, Chị S cho rằng “*Anh P mê cờ bạc dẫn tới nợ nần làm phá tán tài sản gia đình, Anh P tự rời bỏ Chị S về nhà cha mẹ của Anh P sinh sống, Chị S và Anh P chính thức ly thân từ năm 2020 đến nay, Chị S không chịu hàn gắn với Anh P*”. Qua ý kiến của Chị S, Tòa án xác minh về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng Chị S và Anh P như sau “*Vào dịp Tết nguyên đán vừa rồi, Chị S không có về chung sống với Anh P tại ấp Bình Tây 2, không rõ có mâu thuẫn gì do thời gian dài họ đi làm ở xa, ít có thời gian sinh sống tại ấp Bình Tây 2*”.

[4] Mặt khác, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Anh P không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Chị S. Hơn nữa, Tòa án tổ chức hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng Anh P đều từ bỏ việc hòa giải, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì Chị S không cần phải chứng minh gì khác đối với các tình tiết, nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn với Anh P.

Do đó, Tòa án xác định Chị S và Anh P đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, vẫn tiếp tục sống ly thân hơn 01 năm nay, bỏ mặc nhau về đời sống vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Theo quy định Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì Tòa án chấp nhận khởi kiện của Chị S về yêu cầu ly hôn với Anh P.

[5] Hiện đưa con Nguyễn Minh Giàu, sinh ngày 16-3-2020 đang sống cùng với Chị S. Thời gian vợ, chồng sống ly thân, Chị S thực hiện tốt trách nhiệm của người mẹ trong việc chăm sóc, dưỡng nuôi, giáo dục con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho trẻ về điều kiện sinh hoạt, có môi trường sống ổn định. Bên cạnh đó, Anh P không có văn bản ý kiến về việc nuôi con. Theo quy định Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Chị S được trực tiếp

nuôi con Nguyễn Minh Giàu, sinh ngày 16-3-2020. Chị S không yêu cầu Anh P cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Chị S thống nhất không có tài sản chung và nợ chung với Anh P. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim S đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh P.

Chị Trần Thị Kim S được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày đăng ký 25-10-2019 do Ủy ban nhân dân xã B cấp cho Chị S và Anh P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Trần Thị Kim S được trực tiếp nuôi con Nguyễn Minh Giàu, sinh ngày 16-3-2020. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Anh P không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số TU/2019/0001786 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Chị S, Anh P vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân